

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 20XX - 20XX
MÔN: TOÁN - LỚP 1

Họ và tên: **Lớp:** 1.....

Thời gian làm bài: 35 phút (không kể thời gian phát đề)

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số lớn nhất trong các số: 4, 1, 8, 5 là:

- A. 1 B. 5 C. 8 D. 4

Câu 2: Kết quả của phép tính $9 - 4 + 3$ là:

- A. 5 B. 8 C. 7 D. 6

Câu 3: Số thích hợp điền vào chỗ chấm $3 + \dots = 8$ là:

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 4: Dãy số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

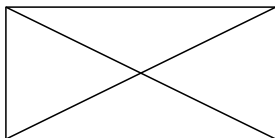
- A. 2, 5, 7, 9
B. 9, 7, 5, 2
C. 5, 2, 9, 7
D. 2, 9, 5, 7



Câu 5: Điền dấu thích hợp: $10 - 2$ $4 + 3$

- A. > B. < C. =

Câu 6: Hình bên dưới có mấy hình tam giác?



- A. 2 B. 4 C. 6 D. 8

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1:

Tính

a)

$4 + 3 = \dots$

$10 - 6 = \dots$

$8 - 5 = \dots$

$2 + 7 = \dots$

b)

$$5 + 2 - 1 = \dots$$

$$9 - 3 - 3 = \dots$$

Bài 2: Điền số thích hợp

$$4 + \dots = 10$$

$$3 + 3 + \dots = 9$$

$$\dots + 2 = 6$$

$$8 \dots = 4$$

Bài 3: Điền dấu (>, <, =)

$$5 + 4 \square 9$$

$$6 + 0 \square 6 - 0$$

$$7 - 2 \square 4$$

$$3 + 4 \square 10 - 2$$

Bài 4: Viết phép tính

a) Lan có 6 quả bóng. Mẹ cho thêm 3 quả. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả?

$$\square \square \square = \square$$

b) Từ các số: 3, 7, 10, viết các phép tính phù hợp:

$$\square \square \square = \square$$

$$\square \square \square = \square$$

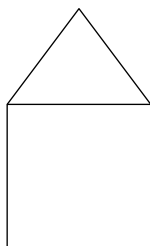
$$\square \square \square = \square$$

$$\square \square \square = \square$$

Bài 5: Hình học

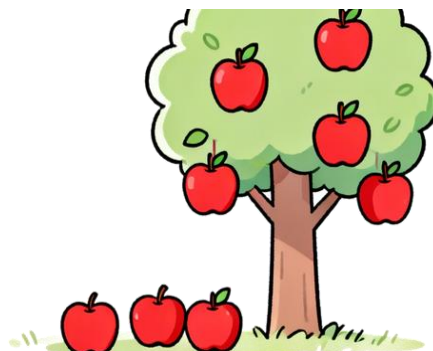
a) Con gà có....cái chân.

b) Hình bên có



..... hình vuông, hình tam giác.

Bài 6: Viết phép tính thích hợp vào ô trống



$$\square \square \square = \square$$